

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2026/DS-ST
Ngày: 23/01/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Giang** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 12 năm 2025 và ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2025/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 617/2025/QĐST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **1/ Ông L.V.T** (CCCD: xxxxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày yyyy)

Địa chỉ: Đường K, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông L.V.Q (CCCD: xxxxxxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày yyyy)

Địa chỉ: Đường Y, phường H Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông T và ông Q: Ông L (theo giấy ủy quyền ngày 14/8/2025, có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: **1/ Ông T.X.T.T** (CCCD: xxxxxxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày yyyy)

2/ Bà T.T.T.T (CMND: xxxxxxxx do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày yyyy)

Cùng địa chỉ: Đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do ông Trần Thành Lập trình bày:

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn (ông L.V.T và ông L.V.Q) và bị đơn (ông T.X.T.T, bà T.T.T.T) có ký kết hợp đồng vay tiền với nội dung: nguyên đơn cho bị đơn vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày ký công chứng, lãi suất vay là 20%/năm tại Phòng công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 15003, Quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 8/12/2020.

Đã quá thời hạn trả tiền nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Đến 07/9/2023, nguyên đơn và bị đơn có đối chiếu công nợ, phần dư nợ được tính theo nợ gốc và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận là: 4.968.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng) gồm tiền nợ gốc là 4.320.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng) và khoảng lãi tạm tính là 648.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Ngày 21/9/2023, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 25/10/2023, bị đơn có trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Tổng cộng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 1.020.000.000 đồng.

Do tình hình kinh tế khó khăn nên sẽ tính vào nợ gốc cho bị đơn. Tính đến ngày hôm nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.980.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc là 1.980.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 20%/năm là 2.619.112.329 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật như sau:

+ Từ ngày 09/12/2020 đến ngày 20/9/2023: bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng là 1.671.780.822 đồng

+ Từ ngày 21/9/2023 đến ngày 24/10/2023: bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc là 2.980.000.000 đồng là 55.517.808 đồng

+ Từ ngày 25/10/2023 đến ngày xét xử là 23/01/2026: bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc là 1.980.000.000 đồng là 891.813.699 đồng

Tổng cộng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 4.599.112.329 đồng (bao gồm gốc là 1.980.000.000 đồng, lãi là 2.619.112.329 đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý

vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Bình Lợi Trung (trước đây là Phường 13, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 1.980.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn (ông L.V.T và ông L.V.Q) và bị đơn (ông T.X.T.T, bà T.T.T.T) có ký kết hợp đồng vay tiền với nội dung: nguyên đơn cho bị đơn vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày ký công chứng, lãi suất vay là 20%/năm tại Phòng công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 15003, Quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 8/12/2020.

Đã quá thời hạn trả tiền nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Đến 07/9/2023, nguyên đơn và bị đơn có đối chiếu công nợ, phần dư nợ được tính theo nợ gốc và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận là: 4.968.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng) gồm tiền nợ gốc là 4.320.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng) và khoảng lãi tạm tính là 648.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Ngày 21/9/2023, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 25/10/2023, bị đơn có trả cho nguyên đơn thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Tổng cộng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 1.020.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Bị đơn đồng ý chuyển hoàn toàn số tiền 1.020.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) thành nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.980.000.000 đồng (một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 2.619.112.329 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Theo hợp đồng vay tiền ký kết ngày 08/12/2020 thì nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về lãi suất là 20%/năm. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo lãi suất 20%/năm (0.05% ngày) là có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu tính tiền lãi từ 09/12/2020 đến 20/9/2023: tiền lãi được tính trên 3.000.000.000 đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian này bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 3.000.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận

Tiền lãi: 3.000.000.000 đồng x 20%/365 x 1016 ngày = 1.670.136.986 đồng

Đối với yêu cầu tính tiền lãi từ 21/09/2023 đến 24/10/2023: tiền lãi được tính trên 2.980.000.000 đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 21/09/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 20.000.000 đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 2.980.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận

Tiền lãi: $2.980.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 34 \text{ ngày} = 55.517.808 \text{ đồng}$

Đối với yêu cầu tính tiền lãi từ 25/10/2023 đến 23/01/2026: tiền lãi được tính trên 1.980.000.000 đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 25/10/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.980.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận

Tiền lãi: $1.980.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 822 \text{ ngày} = 891.813.699 \text{ đồng}$

Đối với yêu cầu bị đơn trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

- *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.V.T và ông L V Q

1.1 Buộc ông T.X.T.T và T.T.T.T trả cho ông L.V.T và ông L V Q số tiền 4.597.468.493 đồng (bao gồm gốc là 1.980.000.000 đồng, lãi là 2.617.468.493 đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 112.597.468 đồng ông Trịnh Công Lý và bà Lê Thị Hà phải nộp. Hoàn trả cho ông ông L.V.T và ông Lê Văn Quý số tiền tạm ứng án phí là 56.711.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0007669 ngày 05/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Ngọc Yến

**BIÊN BẢN
PHIÊN TOÀ SƠ THẨM**

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

Mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 638/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Vụ án được xét xử công khai

I. Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín**

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh Thắng (theo Giấy ủy quyền số 693/2024/UQ-TTT ngày 15/01/2024)

(*Có đơn xin xét vắng mặt*)

Bị đơn: Ông **Trương Hoàng Phong**

Địa chỉ: 82/14/32C Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP.HCM

(*Vắng mặt không lý do*)

II. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

2/ Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Hà** – Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt:

Nguyên đơn: đại diện là ông Nguyễn Minh Thắng có mặt

Bị đơn: Ông Trương Hoàng Phong vắng mặt không có lý do

Hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án và quyết định tuyên bố hoãn phiên tòa ngày 01/04/2024. Thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa là 8 giờ 30 ngày 10/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Phiên tòa kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày.

Thư ký

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Hải An

Vũ Thị Ngọc Yến

**BIÊN BẢN
PHIÊN TOÀ SƠ THẨM**

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

Mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 638/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Vụ án được xét xử công khai

I. Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín**

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh Thắng (theo Giấy ủy quyền số 693/2024/UQ-TTT ngày 15/01/2024)

(*Có đơn xin xét vắng mặt*)

Bị đơn: Ông **Trương Hoàng Phong**

Địa chỉ: 82/14/32C Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP.HCM

(*Vắng mặt không lý do*)

II. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Lê Thị Sơn Thủy**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

2/ Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: bà **Đặng Thị Ngọc Hà** – Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên toà:

- Chủ tọa phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt:

Nguyên đơn: đại diện là ông Nguyễn Minh Thắng có mặt

Bị đơn: ông Trương Hoàng Phong vắng mặt không có lý do

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội Thẩm, thư ký Tòa án hay không? Có đồng ý công bố bản án lên cổng thông tin điện tử hay không?

Nguyên đơn: Tôi không thay đổi ai

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia tố tụng xem có ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa hay không?

Nguyên đơn: Không cung cấp thêm chứng cứ gì.

H: Chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia tố tụng có đồng ý công bố bản án lên cổng thông tin điện tử hay không?

Đ: Tôi không đồng ý công bố bản án lên trang thông tin điện tử

Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không nêu ý kiến và không cung cấp chứng cứ gì.

Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa chuyển sang phần thủ tục hỏi tại phiên tòa.

IV. Phần thủ tục hỏi tại phiên tòa

Chủ tọa hỏi đại diện nguyên đơn

H: Nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

Đ: Dạ không

H: Ông hãy trình bày yêu cầu và các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình?

Ngày 15/03/2022, ông Phong có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Phong, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Phong đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 499.099.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Phong đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 487.745.975 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Phong vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Phong vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ.

H: Tính đến ngày hôm nay (09/01/2024), bị đơn còn nợ nguyên đơn bao nhiêu?

Đ: Tính đến ngày 09/01/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là **34.609.015** đồng (trong đó gốc là 23.518.335 đồng, lãi là **11.090.680** đồng).

H : Ngoài việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền **34.609.015** đồng, nguyên đơn còn yêu cầu gì khác không ?

Đ : Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền **34.609.015** đồng và bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng, tính kể từ ngày 10/01/2024 đến ngày trả hết nợ.

Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần hỏi chuyển sang phần tranh luận

V. Phần tranh luận Trong phần tranh luận, các đương sự có quyền phát biểu về đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm về việc giải quyết vụ án và có quyền đối đáp lại ý kiến của bên kia căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả việc hỏi tại phiên tòa.

Nguyên đơn: không có tranh luận gì

Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần tranh luận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đọc bài phát biểu

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án

VI. Phần tuyên án

❖ Tuyên án: Sau khi nghị án thay mặt Hội đồng xét xử chủ tọa tuyên án như án gốc đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày

Thư ký

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Hải An

Vũ Thị Ngọc Yến

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ ngày tại phòng nghị án TAND quận Bình Thạnh.

Hội đồng xét xử thành phần gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2/ Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Đã nghị án vụ án dân sự thụ lý số 638/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín**

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh Thắng (theo Giấy ủy quyền số 693/2024/UQ-TTT ngày 15/01/2024)

(*Có đơn xin xét vắng mặt*)

Bị đơn: Ông **Trương Hoàng Phong**

Địa chỉ: 82/14/32C Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP.HCM

(*Vắng mặt không lý do*)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết với tỷ lệ 3/3 các vấn đề sau:

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa là 8 giờ 30 ngày 10/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Ngọc Yến

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2024

Tại: phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

Hội đồng xét xử thành phần gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2/ Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Đã nghị án vụ án dân sự thụ lý số 638/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín**

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh Thắng (theo Giấy ủy quyền số 693/2024/UQ-TTT ngày 15/01/2024)

(*Có đơn xin xét vắng mặt*)

Bị đơn: Ông **Trương Hoàng Phong**

Địa chỉ: 82/14/32C Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP.HCM

(*Vắng mặt không lý do*)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết với tỷ lệ 3/3 các vấn đề sau:

1. . Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

1.1 Buộc ông Trương Hoàng Phong trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền **34.609.015** đồng (trong đó gốc là **23.518.335** đồng, lãi là **11.090.680** đồng)

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày 10/01/2024, ông Trương Hoàng Phong phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất được quy định trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là **865.000 đồng** ông Trương Hoàng Phong phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm

ứng án phí là 865.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số BLTU/23P/0018902 ngày 26/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Ngọc Yến

